

Số: 92/2024/QĐST-HNGĐ

Đại Từ, ngày 18 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa:

**Nguyên đơn: Chị Hứa Thị Hồng N, sinh năm 2000;**

Địa chỉ: Xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994;**

Địa chỉ: Xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83, Điều 84 Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTWQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2024;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hứa Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H.**

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Hứa Thị Hồng N** và anh **Nguyễn Văn H** xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có cơ hội đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung. Đề nghị trí thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. *Con chung*: Chị **Hứa Thị Hồng N** và anh **Nguyễn Văn H** xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: cháu **Nguyễn Minh V**, sinh ngày 17/10/2018. Chị **N**, anh **H** thỏa thuận người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau:

Giao con chung cháu **Nguyễn Minh V**, sinh ngày 17/10/2018, cho chị **Hứa Thị Hồng N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận việc anh **Nguyễn Văn H** tự nguyện thỏa thuận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **N** đối với cháu **V** mỗi tháng 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng).

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: Kể từ tháng 06/2024 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc khi chị **N** có thay đổi việc cấp dưỡng.

Về lãi suất chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Đôi bên thỏa thuận tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật trong trường hợp ông **L** không nộp tiền cấp dưỡng theo thỏa thuận ghi nhận, khi bà **H1** có đơn đề nghị thi hành án.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

2.3. *Về tài sản chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.4. *Khoản nợ chung, cho vay chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.5. *Án phí*: Chị **Hứa Thị Hồng N** và anh **Nguyễn Văn H** thỏa thuận: Chị **N** tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp

dưỡng nuôi con. Tổng cộng hai khoản án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị **N** được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai **thu số 0005432 ngày 30/5/2024** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ. Xác nhận chị **N** đã nộp đủ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- THADS huyện Đại Từ;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND phường Tân Thịnh TP Thái Nguyên (ĐKKH số 38/2018 ngày 26/7/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hà**